TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST
Ngày: 26 tháng 01 năm 2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Minh Thiết, ông Giáp Đức Sơn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền –Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát huyện L: Bà Hà Thị Hiên - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2020/DS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2020về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 13/01/2021 giữa:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977 – Có mặt

Địa chỉ: Thôn TP, xã XH, huyện L, tỉnh B.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn**: Ông Nguyễn Đức T - Luật sư Công ty Luật TNHH Minh Anh, chi nhánh B – Có mặt.

***Bị đơn:** Công ty Cổ phần RV B. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quý N - Tổng Giám đốc. Địa chỉ: Thôn V, xã XH, huyện L, tỉnh B – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Văn H cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H trình bày:

Giữa ông H và ông Lê Quý N có mối quan hệ quen biết, ông N là Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần RV B. Khoảng đầu tháng 10/2019, Công ty Cổ phần RV B có nhu cầu huy động thêm vốn để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và trả lương thưởng tết cho công nhân. Do đó ông H đã cho Công ty Cổ phần RV B vay tiền với mục đích là dùng vào việc sản xuất kinh doanh và trả lương thưởng Tết cho công nhân năm 2020. Khi cho vay thì ông H và Công ty

Cổ phần RV B có ký hợp đồng tín dụng, ghi rõ thời hạn vay, lãi suất hai bên tự thỏa thuận nhưng không ghi mức thỏa thuận cụ thể vào hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Ngày 10/10/2019 ký hợp đồng vay tín dụng với số tiền cho vay 375.000.000 đồng, thời hạn vay 90 ngày, lãi suất thỏa thuận miệng.

- Ngày 21/01/2020 ký hợp đồng vay tín dụng với số tiền cho vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất theo thỏa thuận.

- Ngày 22/01/2020 ký hợp đồng vay tín dụng với số tiền cho vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất theo thỏa thuận.

- Ngày 04/02/2020 ký hợp đồng vay tín dụng với số tiền cho vay 60.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, lãi suất theo thỏa thuận.

- Ngày 22/02/2020 ký hợp đồng vay tín dụng với số tiền cho vay 30.000.000 đồng, thời hạn vay 60 ngày, lãi suất theo thỏa thuận.

Ông H đã giao toàn bộ số tiền **1.015.000.000 đồng** theo 05 hợp đồng tín dụng nêu trên cho Công ty Cổ phần RV B, thể hiện qua 05 phiếu thu mà Công ty Cổ phần RV B đã lập, cụ thể:

- Phiếu thu số PT 205a ngày 10/10/2019 số tiền thu 375.000.000đ;
- Phiếu thu số PT 10a ngày 21/01/2020 số tiền thu 500.000.000đ;
- Phiếu thu số PT 13a ngày 22/01/2020 số tiền thu 50.000.000đ;
- Phiếu thu số PT 18 ngày ngày 04/02/2020 số tiền thu 60.000.000đ;
- Phiếu thu số PT 26 ngày 22/02/2020 số tiền thu 30.000.000đ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tín dụng, Công ty Cổ phần RV B đã thanh toán cho ông H tổng số tiền 132.000.000 đồng tiền lãi (Ngày 11/01/2020 thanh toán số tiền 39.000.000 đồng; Ngày 21/01/2020 thanh toán số tiền 24.000.000 đồng; Ngày 22/02/2020 thanh toán số tiền 30.000.000 đồng; Ngày 22/3/2020 thanh toán số tiền 24.000.000 đồng; Ngày 05/6/2020 thanh toán 15.000.000 đồng), tiền nợ gốc chưa thanh toán. Theo thỏa thuận giữa ông H và Công ty Cổ phần RV B là khi phát sinh tranh chấp các bên sẽ giải quyết trên tinh thần hợp tác, tôn trọng lẫn nhau. Nhưng khi đến hạn trả nợ ông H đến gặp lãnh đạo Công ty Cổ phần RV B để cùng nhau bàn bạc, thương lượng để thống nhất phương án trả số tiền vay nợ nhưng ông Lê Quý N - Tổng Giám đốc công ty không hợp tác. Do đó giữa hai bên không thể thương lượng, hòa giải được với nhau.

Nay ông H khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần RV B trả cho ông số tiền nợ gốc là **1.015.000.000** đồng và tiền lãi là **115.812.400** đồng (lãi suất 15%/năm, tiền lãi tính kể từ thời điểm vay đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án).

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn H xin thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu đòi tiền lãi. Nay ông chỉ yêu cầu tiền gốc và tiền lãi trên tổng số tiền nợ gốc chưa trả được tính từ ngày ông khởi kiện ra Tòa (ngày 09/10/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án, mức lãi 1,25%/tháng (15%/năm), cụ thể: Số tiền gốc 1.015.000.000đ x 1,25%/tháng = 12.687.500đ/tháng. Ông H không đề nghị Tòa án xem xét đối với số tiền lãi 132.000.000 đồng mà Công ty Cổ phần RV B đã thanh toán cho ông trước đây.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần RV B là bị đơn - ông Lê Quý Nc trình bày:

Công ty Cổ phần RV B được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 08 tháng 8 năm 2017, người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần RV B khi thành lập là ông Phạm Văn Phong, ngày 12/6/2019 người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Nguyễn Thanh Bắc, ngày 27/8/2019 người đại diện theo pháp luật của công ty là Lê Quý N.

Ông N thừa nhận: Công ty Cổ phần RV B do ông là Tổng Giám đốc, đại diện theo pháp luật của công ty có ký các hợp đồng vay tín dụng vay vốn của ông Nguyễn Văn H để trả lương, thưởng Tết và các chi phí sản xuất kinh doanh cho Công ty Cổ phần RV B. Việc ông đại diện cho Công ty Cổ phần RV B trực tiếp tham gia ký kết hợp đồng tín dụng để huy động vốn cho Công ty đã Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần RV chấp thuận đồng ý. Ông N thừa nhận Công ty Cổ phần RV B có ký vay vốn của ông H số tiền 1.015.000.000 đồng (Một tỷ không trăm mười lăm triệu đồng) theo các hợp đồng tín dụng mà ông H khởi kiện ra Tòa án đã nêu ở trên. Ngoài ra, giữa ông H và Công ty Cổ phần RV B còn ký một số hợp đồng tín dụng khác nhưng có hợp đồng vay tín dụng đã được công ty Cổ phần RV B thanh toán xong và có hợp đồng vay tín dụng ông H không khởi kiện trong vụ án này. Theo các hợp đồng tín dụng mà công ty Cổ phần RV B ký vay vốn với ông Nguyễn Văn H, trong hợp đồng này các bên ghi lãi suất thỏa thuận nhưng không ghi thỏa thuận cụ thể là bao nhiêu, trên thực tế hai bên thỏa thuận mức lãi suất từ 6% đến 21%/tháng. Sau khi vay tiền thì Công ty Cổ phần RV B đã thực hiện trả lãi theo thỏa thuận. Tính đến ngày 30/9/2020 Công ty Cổ phần RV B đã trả cho ông H số tiền gốc đã vay 390.000.000 đồng (Tiền gốc này là tiền gốc của hợp đồng tín dụng khác mà ông H không khởi kiện trong vụ án này) và 140.115.000 đồng tiền lãi (bao gồm cả tiền lãi của các khoản vay khác mà ông H không khởi kiện). Sau khi vay tiền, ông đã chỉ đạo bộ phận chuyên môn thu tiền từ ông H và nhập số tiền này vào quỹ Công ty, hạch toán sổ sách, đối chiếu công nợ và nhập vào phần mềm kế toán doanh nghiệp . Ông xác định số tiền mà Công ty Cổ phần RV B vay của ông H đều được nhập quỹ của Công ty và Công ty sử dụng số tiền đã vay này để chị trả cho hoạt động kinh doanh, chi trả tiền lương,

thưởng tết và các chi phí sản xuất của công ty Cổ phần RV B. Khi vay tiền và chi tiền Công ty Cổ phần RV đều xuất phiếu thu, chi theo quy định của pháp luật. Kể từ tháng 7 năm 2020, do tình hình dịch bệnh covid bùng phát, công ty gặp rất nhiều khó khăn để duy trì sản xuất nên công ty Cổ phần RV B không thực hiện trả lãi và gốc cho ông Nguyễn Văn H. Về tiền gốc vay, ông thừa nhận Công ty Cổ phần RV B chưa trả anh H nên vẫn còn nợ anh H số tiền 1.015.000.000 đồng (Một tỷ không trăm mười lăm nghìn đồng) theo các hợp đồng tín dụng mà ông H khởi kiện ra Tòa án.

Nay ông là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần RV B đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, Công ty Cổ phần RV B sẽ có trách nhiệm trả ông H số tiền nợ gốc đã vay là 1.015.000.000đồng và tiền lãi theo như ông H yêu cầu là 1,25%/tháng trên tổng số tiền gốc chưa trả kể từ ngày 09/10/2020. Nhưng hiện tại, do Công ty Cổ phần RV B đang gặp khó khăn về tài chính nên đề nghị ông H giãn nợ sang giữa năm 2021 Công ty sẽ có kế hoạch trả nợ ông H. Đối với số tiền lãi 140.115.000 đồng mà Công ty đã thanh toán cho ông H, Công ty Cổ phần RV B không đề nghị Tòa án xem xét và cũng không yêu cầu Tòa án đối trừ số tiền này vào khoản nợ gốc và lãi mà ông H khởi kiện.

Tại hồ sơ pháp lý doanh ngH1 gửi kèm theo Công văn số 103/CV-ĐKKD ngày 03/11/2020 của Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh B thể hiện nội dung người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần RV B hiện nay là ông Lê Quý N.

Tại biên bản xác minh ngày 22/12/2020 của Tòa án với ông Nguyễn Đức T hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần RV B, ông T cho biết: Thời điểm từ tháng 10/2019 cho đến nay ông được Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần RV B giao thực hiện nhiệm vụ thủ quỹ của Công ty. Do công ty cần nguồn vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh nên thời điểm từ tháng 10 năm 2019 đến nay thì công ty có vay tiền của một số cá nhân trong đó có vay tiền của ông Nguyễn Văn H (nguyên đơn trong vụ án). Tổng số tiền mà công ty đã vay của ông H từ ngày 10/10/2019 đến ngày 30/9/2020 là 1.435.000.000 đồng. Khi vay thì Công ty và ông H có ký hợp đồng bằng văn bản, ông H là người nộp tiền và ông thủ quỹ của Công ty nên trực tiếp nhận tiền của ông H. Sau khi nhận tiền ông báo cáo lãnh đạo công ty, kế toán công ty đã nhập số tiền đó vào quỹ tiền mặt của Công ty và số tiền này được Công ty dùng để chi trả lương, thưởng Tết cho công nhân và chi trả các chi phí sản xuất. Ông xác nhận các chữ ký tại mục thủ quỹ trên các phiếu thu số PT205a ngày 10/10/2019, PT 10 a ngày 21/01/2020, PT13a ngày 22/01/2020, PT 1 ngày 04/02/2020 và PT 26 ngày 22/02/2020 do anh H xuất trình là chữ ký của ông và một số mục kế toán trưởng ông cũng ký tên. Trên các phiếu thu này còn có chữ ký của

người lập phiếu, người nộp tiền và Tổng Giám đốc/ Giám đốc của Công ty ký đóng dấu.

Tại biên bản xác minh ngày 22/12/2020 của Tòa án với ông Nguyễn Văn H1 hiện là kế toán tổng hợp phụ trách Phòng kế toán của Công ty Cổ phần RV B, ông H1 cho biết: Việc công ty Cổ phần RV B vay tiền của ông Nguyễn Văn H là có T, phía Công ty Cổ phần RV B và anh H có ký hợp đồng vay tín dụng và Công ty đã lập Phiếu thu về việc vay vốn trên. Trên các Phiếu thu có chữ ký của thủy quỹ là anh T, chữ ký người lập phiếu (chị Dương Thị Hải Xiêm- kế toán viên hiện đã nghỉ việc hoặc ông là người ký), chữ ký người nộp tiền là anh H và chữ ký của Tổng Giám đốc/Giám đốc Công ty ký đóng dấu.Tại phiếu thu số PT 26 ngày 22/02/2020 ông có ký thay cho anh T tại mục thủ quỹ do hôm đó anh T vắng mặt nhưng số tiền ông nhận ông đã bàn giao cho anh T để nhập Quỹ tiền mặt của công ty. Tất cả khoản tiền mà ông H cho Công ty vay thì đều được hạch toán nhập vào quỹ tiền mặt của Công ty và Công ty sử dụng số tiền này để chi trả lương, thưởng tết cho công nhân, người lao động và chi phí sản xuất kinh doanh của công ty. Nay ông H yêu cầu Công ty Cổ phần RV B phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi như trên, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đại diện bị đơn vắng mặt tại các buổi hòa giải, nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty Cổ phần RV B phải trả cho nguyên đơn 1.015.000.000đ tiền gốc đã vay theo theo 05 hợp đồng vay tín dụng như đã trình bày, về tiền lãi nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên tổng số tiền gốc còn nợ kể từ ngày 09/10/2020 theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng)

Bị đơn Công ty Cổ phần RV B do ông Lê Quý N đại diện theo pháp luật vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện VKSND huyện L phát biểu ý kiến:

- Về việc T theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã T theo đúng các quy định của pháp luật TTDS. Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn , bị đơn cơ bản chấp hành đúng các quy định của pháp luật TTDS. Tuy nhiên phía bị đơn còn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên xét xử của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự

2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H;

+ Buộc Công ty Cổ phần RV B phải trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền nợ gốc là 1.015.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn kể từ ngày 09/10/2020 đến ngày 26/01/2021 (03 tháng 17 ngày) theo lãi suất 0,83%/tháng = (1.015.000.000đ x 0,83% x 03 tháng) + (1.015.000.000đ x 0,83%/30 x 17 ngày) = 30.047.000đ. Tổng gốc và lãi là **1.045.047.000đ**. Công ty Cổ phần RV B tiếp tục phải chịu lãi suất theo mức lãi suất trên trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ.

+ Về án phí: Buộc Công ty Cổ phần RV B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra kiếm sát viên còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Giữa nguyên đơn và bị đơn tranh chấp nhau về khoản nợ chưa trả xuất phát từ việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền thông qua các hợp đồng vay tín dụng.Cho nên, HĐXX xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự

[2]. Về thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Theo thỏa thuận giữa hai bên khi ký hợp đồng tín dụng thì là khi phát sinh tranh chấp các bên sẽ giải quyết trên tinh thần hợp tác, tôn trọng lẫn nhau và không có khiếu kiện. Tuy nhiên do hai bên không thỏa thuận được, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó ông H khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông là đúng quy định pháp luật. Ông Nguyễn Văn H khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện L thụ lý, giải quyết vụ án là đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ 2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt bị đơn

* Về nội dung:

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc đã vay còn nợ là là 1.015.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn trên tổng số nợ gốc kể từ ngày khởi kiện 09/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất quy định của nhà nước 10%/năm (0,83%/tháng). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các hợp đồng vay tín dụng đề ngày 10/10/2019; 21/01/2020 ; 22/01/2020; 04/02/2020 và 22/02/2020 do ông Lê Quý N đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần RV B trực tiếp ký và đóng dấu của công ty, kèm theo các hợp đồng tín dụng là các phiếu thu do Công ty Cổ phần RV B phát hành. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn ông Lê Quý N thừa nhận Công ty Cổ phần RV B có vay và hiện đang nợ nguyên đơn số tiền gốc vay là 1.015.000.000đ như nội dung ông H khởi kiện. Do vậy, HĐXX có đủ cơ sở xác định bị đơn là Công ty Cổ phần RV B đã vay và còn nợ ông Nguyễn Văn H tổng số tiền gốc là 1.015.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu trả lãi, hợp đồng vay tín dụng ngày 10/10/2019 các bên không ghi nội dung lãi suất, trong các hợp đồng tín dụng còn lại thể hiện lãi suất theo thỏa thuận, nguyên đơn trình bày lãi suất khi vay các hợp đồng nêu trên hai bên thỏa thuận miệng từ 3,5% - 5%/tháng/số tiền vay. Bị đơn do ông Lê Quý N đại diện theo pháp luật trình bày các bên thỏa thuận mức lãi suất từ 6 % - 21%/tháng. Lời khai của nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận hai bên có thỏa thuận về lãi. Tuy nhiên, lời khai của các bên về lãi suất có mâu thuẫn, không rõ ràng. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện ban đầu, ông H yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi kể từ thời điểm vay đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1,25%/tháng tương đương 15%/năm. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút, thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về thời điểm tính lãi và mức lãi suất, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi quá hạn của tổng số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày nộp đơn khởi kiện 09/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,83%/tháng (10%/năm). HĐXX thấy: Nguyên đơn yêu cầu về mức lãi suất trên tổng số nợ gốc chưa trả (lãi quá hạn), thời điểm tính lãi từ ngày 09/10/2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm với mức lãi 0,83%/tháng tương đương 10%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 nên cần được chấp nhận. Cụ thể: Thời gian tính lãi quá hạn kể từ ngày 09/10/2020 đến ngày 26/01/2021 là 03 tháng 17 ngày:

(1.015.000.000đ x 0,83% x 3 tháng) + (1.015.000.000đ x 0,83%/tháng/30 ngày x 17 ngày) = **30.047.000đ**

Tổng số tiền nợ gốc và lãi mà Công ty Cổ phần RV B phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn H là: 1.015.000.000đ + 30.047.000đ = **1.045.047.000đ**

Đối với số tiền 140.115.000đ mà Công ty Cổ phần RV B đã thanh toán cho ông H tiền lãi, ông H thừa nhận đã nhận có nhận số tiền này nhưng trong đó chỉ có 132.000.000đ là số tiền lãi của 05 hợp đồng vay tín dụng mà ông H khởi kiện, còn lại là số tiền lãi của các mã vay khác nhưng ông không khởi kiện trong vụ án này. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty Cổ phần RV B do ông Lê Quý N đại diện theo pháp luật không yêu cầu Tòa án xem xét đối với số tiền lãi mà Công ty Cổ phần RV B đã thanh toán cho ông H, không yêu cầu đối trừ số tiền lãi đã thanh toán vào khoản nợ gốc và lãi mà ông H đang khởi kiện. Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cũng không đề nghị Tòa án xem xét đối với số tiền lãi mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty Cổ phần RV B phải chịu án phí dân sự theo quy định tại Điều 147 Bộ luật TTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hoàn trả lại ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 357; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về miến, giảm, mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

2. Buộc Công ty Cổ phần RV B phải thanh toán trả ông Nguyễn Văn H số tiền gốc và lãi **1.045.047.000đ** (*Một tỷ không trăm bốn mươi lăm triệu không trăm bốn mươi bẩy nghìn đồng).*

3. Về án phí: Buộc Công ty Cổ phần RV B phải chịu 43.351.000đ *(Bốn mươi ba triệu ba trăm năm mươi mốt nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí là 22.960.000 đồng *(Hai mươi hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng)* đã nộp tại Chi cục THADS huyện L theo biên lai số AA/2019/0002564 ngày 12/10/2020.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh B;
- Viện kiểm sát huyện L;
- Các đương sự;
- Chi cục THA tỉnh B;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Thiêm